

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 3 – 2025
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Tổ I, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà **Nguyễn Thị Yến L** là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông T qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/11/2002.

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Sau này, ông T không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo, nuôi dưỡng các con. Vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Bà L đã tìm cách khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Nhiều năm bà L cố gắng nhẫn nhịn khi bị ông T đánh và không tôn trọng. Nay các con đã trưởng thành nên bà muốn được giải thoát cho bà và các con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Yến L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Chí C, sinh ngày 1990 và Lê Thị Kim S, sinh năm 1992, Lê Văn D, sinh năm 1994 và Lê Thị Kim L1, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 CCCD Nguyễn Thị Yến L (photo);
- 01 CCCD Lê Thị Kim S, Lê Thị Kim L1 (photo);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- 04 Giấy khai sinh Lê Thị Kim L1, Lê Chí C, Lê Thị Kim S, Lê Văn D (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Yến L có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với ông Lê Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Ông Lê Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn T là bị đơn trong vụ kiện nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/11/2002, do đó hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Theo bà L trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau, bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà L và ông T không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Lê Văn T tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến L. Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà L và ông T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Chí C, sinh năm 1990 và Lê Thị Kim S, sinh năm 1992, Lê Văn D, sinh năm 1994 và Lê Thị Kim L1, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, ông T không có ý kiến về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L trình bày vợ chồng không có nợ chung, ông T không có ý kiến về nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Yến L.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Chí C, sinh năm 1990 và Lê Thị Kim S, sinh năm 1992, Lê Văn D, sinh năm 1994 và Lê Thị Kim L1, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009430 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Phương Trà, CL, ĐT;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh